

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 31
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 31



Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc

Số 24, 25 liên kề 11, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 09 ngày 07/06/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 24, 25 liên kề 11, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Sỹ Chuẩn	Chủ tịch
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên
Ông Dương Xuân Mộc	Thành viên
Bà Ngô Phương Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Dương Xuân Mộc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Dương Đình Thọ - Tổng Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng ban
Bà Lê Thu Hương	Kiểm soát viên
Bà Lê Hồng Phương	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc

Số 24, 25 liền kề 11, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *M*



Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025





Số: 240325.002/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC

Hoàng Thủy Nga

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		143.130.126.085	112.047.032.175
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.994.013.636	26.007.850.527
111	1. Tiền		14.994.013.636	26.007.850.527
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	63.220.000	63.220.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		63.220.000	63.220.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		79.100.066.844	68.845.414.474
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	86.265.581.859	75.190.938.540
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	807.090.580	175.289.150
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	-	154.000.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.972.605.595)	(6.674.813.216)
140	IV. Hàng tồn kho	9	46.421.644.135	14.965.717.312
141	1. Hàng tồn kho		47.923.811.963	17.673.242.862
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.502.167.828)	(2.707.525.550)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.551.181.470	2.164.829.862
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.551.181.470	2.164.829.862
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.345.581.805	29.680.466.134
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.000.000	50.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	50.000.000	50.000.000
220	II. Tài sản cố định		27.550.060.731	28.051.885.649
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.217.050.305	7.692.466.895
222	- Nguyên giá		24.428.346.420	21.905.772.546
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.211.296.115)	(14.213.305.651)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	20.333.010.426	20.359.418.754
228	- Nguyên giá		20.539.225.000	20.539.225.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(206.214.574)	(179.806.246)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.212.500.000	1.212.500.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		533.021.074	366.080.485
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	533.021.074	366.080.485
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		172.475.707.890	141.727.498.309

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		70.162.548.182	44.596.488.062
310	I. Nợ ngắn hạn		70.102.548.182	44.596.488.062
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	46.875.724.610	24.583.024.659
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.685.712	915.538.164
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.767.383.013	3.167.214.254
314	4. Phải trả người lao động		19.500.651.753	14.581.374.349
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	269.814.977	1.259.995.387
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		687.288.117	89.341.249
330	II. Nợ dài hạn		60.000.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	60.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		102.313.159.708	97.131.010.247
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	102.313.159.708	97.131.010.247
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		31.699.535.408	26.712.641.179
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.148.427.668	4.399.363.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.465.196.632	16.019.005.274
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.187.727.803	1.187.727.803
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		14.277.468.829	14.831.277.471
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		172.475.707.890	141.727.498.309

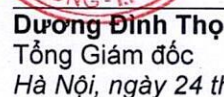


Phạm Thị Chung
 Người lập biểu



Đoàn Thị Phượng
 Quyền Kế toán trưởng






Dương Đình Thọ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

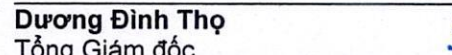
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	777.939.728.919	739.766.869.925
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		777.939.728.919	739.766.869.925
11	3. Giá vốn hàng bán	19	675.197.300.467	643.624.534.655
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.742.428.452	96.142.335.270
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.570.897.857	1.328.683.119
22	6. Chi phí tài chính	21	157.323.502	205.350.646
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	7. Chi phí bán hàng	22	48.913.168.859	49.069.371.181
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	36.192.208.673	28.958.107.733
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.050.625.275	19.238.188.829
31	10. Thu nhập khác	24	413.212.585	67.391.000
32	11. Chi phí khác	25	1.042.279.876	29.944.962
40	12. Lợi nhuận khác		(629.067.291)	37.446.038
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.421.557.984	19.275.634.867
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	3.994.089.155	4.294.357.396
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>14.427.468.829</u>	<u>14.981.277.471</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	2.164	2.247


Phạm Thị Chung
Người lập biểu


Đoàn Thị Phương
Quyền Kế toán trưởng




Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2024
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.421.557.984	19.275.634.867
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.024.398.792	2.173.686.382
03	- Các khoản dự phòng		92.434.657	(38.042.510)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(231.658.378)	(475.983.567)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.306.733.055	20.935.295.172
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.552.444.749)	3.651.608.152
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.250.569.101)	1.959.543.646
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		26.042.449.968	2.043.584.116
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(553.292.197)	(836.917.402)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.068.425.871)	(3.068.222.915)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		33.000.000	4.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.180.372.500)	(7.662.966.106)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.222.921.395)	17.025.924.663
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.522.573.874)	(2.410.419.911)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		231.658.378	475.983.567
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.290.915.496)	(1.934.436.344)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(11.013.836.891)	9.591.488.319
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.007.850.527	16.416.362.208
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	14.994.013.636	26.007.850.527




Phạm Thị Chung
 Người lập biểu



Đoàn Thị Phượng
 Quyền Kế toán trưởng




Dương Đình Thọ
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống kênh phân phối sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/06/2024.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 24, 25 liền kề 11, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn), tương ứng 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 63 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 65 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính trong năm là:

- Phát hành sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục, báo chí, văn phòng phẩm...
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Trong năm, công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác để nhanh chóng thu hồi vốn.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT và tổng doanh thu. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán dựa theo tỷ lệ hàng tồn kho còn tồn cuối năm.
- Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 48 tháng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.14 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ lao động, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm và thực hiện các dịch vụ liên quan đến in ấn, địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	965.247.778	1.555.206.597
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.028.765.858	24.452.643.930
	<u>14.994.013.636</u>	<u>26.007.850.527</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	31/12/2024			01/01/2024		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu							
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (i)	EID	63.220.000	171.520.000	-	63.220.000	134.400.000	-
		63.220.000	171.520.000	-	63.220.000	134.400.000	-

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (EID) được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024 lần lượt là 21.000 VND/cổ phiếu và 26.800 VND/cổ phiếu.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2024		01/01/2024	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Khoản đầu tư khác					
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội (ii)	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
		1.212.500.000	-	1.212.500.000	-

Thông tin chi tiết về đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
-------------------------	----------------------------	---------------	------------------------	----------------------------

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, in, chế bản sách
---	--------	-------	-------	---

(ii) Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.



5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	2.384.121.970	-	1.035.761.632	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	288.928.880	-	556.127.450	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	50.000.000	-	236.007.661	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	869.657.690	-	243.626.521	-
Công ty CP sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	118.229.770	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	1.057.305.630	-	-	-
Bên khác	83.881.459.889	(7.957.516.445)	74.155.176.908	(6.659.724.066)
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu (i)	3.013.888.150	(3.013.888.150)	3.013.888.150	(3.013.888.150)
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Vĩnh Phúc	9.793.643.155	-	7.361.176.008	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Yên Bái	11.897.565.560	-	10.776.913.708	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	4.411.802.377	(4.334.557.375)	4.411.802.377	(3.036.764.996)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	13.200.973.465	-	16.247.713.390	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	9.558.226.958	-	10.110.645.107	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	9.272.661.466	-	3.874.806.302	-
Các khách hàng khác	22.732.698.758	(609.070.920)	18.358.231.866	(609.070.920)
	86.265.581.859	(7.957.516.445)	75.190.938.540	(6.659.724.066)

- (i) Nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm tại 2 cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu từ năm 2017 trở về trước nhưng chưa được nộp về Công ty. Công ty đã thành lập tổ công tác để rà soát lại số liệu và xác định trách nhiệm đối với những cá nhân có liên quan trong giai đoạn này. Theo Báo cáo kết quả làm việc số 02/TCT-STBMB của Tổ công tác ngày 12/05/2018 mặc dù đồng ý và ký trên các biên bản xác minh số liệu chi tiết nhưng kế toán cửa hàng không đồng ý ký xác nhận số liệu tổng hợp lại từ các biên bản chi tiết này. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã trích dự phòng với toàn bộ số nợ phải thu nói trên.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	296.747.720	-	-	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	280.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	747.720	-	-	-
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	16.000.000	-	-	-
Bên khác	510.342.860	(15.089.150)	175.289.150	(15.089.150)
Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	200.000.000	-	-	-
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	173.253.710	-	-	-
Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Nam	-	-	80.200.000	-
Các khách hàng khác	137.089.150	(15.089.150)	95.089.150	(15.089.150)
	807.090.580	(15.089.150)	175.289.150	(15.089.150)

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tạm ứng	-	-	154.000.000	-
	-	-	154.000.000	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
	50.000.000	-	50.000.000	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.425.690.527	77.245.002	7.425.690.527	1.375.037.381
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu	3.013.888.150	-	3.013.888.150	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	4.411.802.377	77.245.002	4.411.802.377	1.375.037.381
Các đối tượng khác	609.070.920	-	609.070.920	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.089.150	-	15.089.150	-
Các đối tượng khác	15.089.150	-	15.089.150	-
	8.049.850.597	77.245.002	8.049.850.597	1.375.037.381

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.014.294	-	99.518.804	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.816.967	-	158.874.575	-
Thành phẩm	8.062.087.234	(1.278.749.589)	4.994.705.402	(1.920.083.624)
Hàng hoá	39.787.893.468	(223.418.239)	12.420.144.081	(787.441.926)
	47.923.811.963	(1.502.167.828)	17.673.242.862	(2.707.525.550)

Tại ngày 31/12/2024, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho lượng hàng tồn kho có giá gốc 1.576.288.138 VND là các sách và thiết bị ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

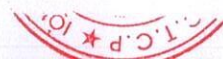
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Thuế GTGT chờ kết chuyển	392.543.865	262.385.499
Chi phí tổ chức bán thảo, phí quản lý xuất bản	1.514.562.860	1.093.415.980
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	644.074.745	809.028.383
	2.551.181.470	2.164.829.862
b) Dài hạn		
Chi phí hoàn thiện văn phòng	533.021.074	366.080.485
	533.021.074	366.080.485

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.036.417.444	13.360.420.901	1.039.318.473	2.469.615.728	21.905.772.546
- Mua trong năm	-	1.410.820.318	328.585.222	783.168.334	2.522.573.874
Số dư cuối năm	5.036.417.444	14.771.241.219	1.367.903.695	3.252.784.062	24.428.346.420
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.156.879.273	9.481.022.802	837.601.397	1.737.802.179	14.213.305.651
- Khấu hao trong năm	446.391.672	1.755.420.546	191.094.410	605.083.836	2.997.990.464
Số dư cuối năm	2.603.270.945	11.236.443.348	1.028.695.807	2.342.886.015	17.211.296.115
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.879.538.171	3.879.398.099	201.717.076	731.813.549	7.692.466.895
Tại ngày cuối năm	2.433.146.499	3.534.797.871	339.207.888	909.898.047	7.217.050.305

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8.842.963.680 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 8.371.050.510 VND).

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác. Khấu hao theo phương pháp này cao hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 741.238.767 VND.



12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.300.000.000	239.225.000	20.539.225.000
Số dư cuối năm	20.300.000.000	239.225.000	20.539.225.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	179.806.246	179.806.246
- Khấu hao trong năm	-	26.408.328	26.408.328
Số dư cuối năm	-	206.214.574	206.214.574
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.300.000.000	59.418.754	20.359.418.754
Tại ngày cuối năm	20.300.000.000	33.010.426	20.333.010.426

(*) Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng 02 lô đất tại Khu đô thị Văn Khê, Quận Hà Đông được Công ty mua để làm trụ sở, có thời gian sử dụng lâu dài nên Công ty không trích khấu hao.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	46.875.724.610	46.875.724.610	24.113.574.171	24.113.574.171
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	46.875.724.610	46.875.724.610	23.254.498.610	23.254.498.610
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	-	859.075.561	859.075.561
Bên khác	-	-	469.450.488	469.450.488
Công ty TNHH Công nghệ và Xét nghiệm Y học	-	-	123.696.500	123.696.500
Các người bán khác	-	-	345.753.988	345.753.988
	46.875.724.610	46.875.724.610	24.583.024.659	24.583.024.659

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Bên liên quan	-	243.626.521
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	-	243.626.521
Bên khác	-	609.250.746
Nhà Sách Yên Công	-	609.250.746
Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.685.712	62.660.897
	1.685.712	915.538.164

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	329.106.853	1.747.123.897	1.904.109.231	-	172.121.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.769.673.667	4.792.841.359	5.068.425.871	-	2.494.089.155
Thuế thu nhập cá nhân	-	68.433.734	4.860.084.677	4.827.346.072	-	101.172.339
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	234.545.092	234.545.092	-	-
	-	3.167.214.254	11.640.595.025	12.040.426.266	-	2.767.383.013

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	100.245.145	125.545.145
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.569.832	1.134.450.242
- Phải trả khác	169.569.832	1.134.450.242
	<u>269.814.977</u>	<u>1.259.995.387</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	60.000.000	-
	<u>60.000.000</u>	<u>-</u>

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	17.442.198.210	3.344.332.153	22.288.360.616	93.074.890.979
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.981.277.471	14.981.277.471
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Trích lập các quỹ	-	9.270.442.969	1.055.031.641	(10.325.474.610)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(5.275.158.203)	(5.275.158.203)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	26.712.641.179	4.399.363.794	16.019.005.274	97.131.010.247
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	26.712.641.179	4.399.363.794	16.019.005.274	97.131.010.247
Lãi trong năm nay	-	-	-	14.427.468.829	14.427.468.829
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Trích lập các quỹ (ii)	-	4.986.894.229	749.063.874	(5.735.958.103)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(3.595.319.368)	(3.595.319.368)
Tạm trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024 (i)	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	31.699.535.408	5.148.427.668	15.465.196.632	102.313.159.708

(i) Quỹ thưởng ban điều hành năm 2024 đang được tạm trích theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế	100,00	14.981.277.471
Trích Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	33,29	4.986.894.229
Trích Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5,00	749.063.874
Trích Quỹ khen thưởng	10,00	1.498.127.747
Trích Quỹ phúc lợi (*)	10,00	1.498.127.747
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (*)	5,00	749.063.874
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.100 VND)	36,71	5.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		-

(*) Trong đó, đã tạm trích Quỹ phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 số tiền lần lượt là 100.000.000 VND và 50.000.000 VND, số trích trong năm 2024 lần lượt là 1.398.127.747 VND và 699.063.874 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	46,00	23.000.000.000	46,00
Các cổ đông khác	27.000.000.000	54,00	27.000.000.000	54,00
	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.500.000.000	5.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.500.000.000	5.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	5.500.000.000	5.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.500.000.000	5.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.699.535.408	26.712.641.179
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.148.427.668	4.399.363.794
	<u>36.847.963.076</u>	<u>31.112.004.973</u>

18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	737.703.236.012	701.470.363.943
Doanh thu bán thành phẩm	40.179.785.660	38.136.078.162
Doanh thu khác	56.707.247	160.427.820
	<u>777.939.728.919</u>	<u>739.766.869.925</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	55.462.067.514	45.182.460.531

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	653.607.203.172	622.279.355.080
Giá vốn của thành phẩm đã bán	22.735.848.267	22.327.304.870
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.205.357.722)	(1.140.489.784)
Giá vốn khác	59.606.750	158.364.489
	<u>675.197.300.467</u>	<u>643.624.534.655</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	667.476.871.520	618.677.436.229

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	65.073.378	321.523.567
Cổ tức, lợi nhuận được chia	166.585.000	154.460.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.339.239.479	852.699.552
	<u>1.570.897.857</u>	<u>1.328.683.119</u>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	1.484.008.707	1.005.045.182

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	157.323.502	205.350.646
	<u>157.323.502</u>	<u>205.350.646</u>

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.223.183	18.128.566
Chi phí nhân công	23.475.498.586	21.461.795.997
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	124.589.398	333.835.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	504.045.665	450.021.336
Thuế, phí và lệ phí	326.946.751	313.622.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.681.315.461	12.267.726.963
Chi phí khác bằng tiền	10.791.549.815	14.224.239.721
	<u>48.913.168.859</u>	<u>49.069.371.181</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	12.204.544.582	11.920.194.282
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.433.323.394	957.145.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.520.353.127	1.723.665.046
Thuế, phí và lệ phí	294.101.508	135.020.358
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	1.297.792.379	1.102.447.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.720.857.937	3.276.448.800
Chi phí khác bằng tiền	12.721.235.746	9.843.186.619
	<u>36.192.208.673</u>	<u>28.958.107.733</u>

24 THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Thanh lý sách thừa sau kiểm kê	404.422.350	67.051.000
Thu nhập khác	8.790.235	340.000
	<u>413.212.585</u>	<u>67.391.000</u>

25 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế và truy thu thuế	1.041.523.817	1.255.495
Các khoản khác	756.059	28.689.467
	<u>1.042.279.876</u>	<u>29.944.962</u>

26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.421.557.984	19.275.634.867
Các khoản điều chỉnh tăng	2.190.720.717	2.227.193.470
- Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế và truy thu thuế	1.041.523.817	1.255.495
- Khấu hao xe ô tô nguyên giá vượt 1,6 tỷ VND	487.980.353	487.980.353
- Thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành và các chi phí không được trừ khác	160.500.000	180.000.000
- Chi trang phục vượt định mức	386.000.000	1.377.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	114.716.547	180.957.622
Các khoản điều chỉnh giảm	(641.832.927)	(154.460.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(166.585.000)	(154.460.000)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã loại trừ năm trước	(466.707.927)	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(8.540.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	19.970.445.774	21.348.368.337
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>3.994.089.155</u>	<u>4.269.673.667</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	798.752.204	24.683.729
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.769.673.667	1.543.539.186
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.068.425.871)	(3.068.222.915)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>2.494.089.155</u>	<u>2.769.673.667</u>

27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.427.468.829	14.981.277.471
Các khoản điều chỉnh :		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích từ lợi nhuận trong năm	150.000.000	150.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	3.456.867.207	3.595.319.368
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.820.601.622	11.235.958.103
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.164</u>	<u>2.247</u>

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành năm 2024 đang được tạm tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc với dự kiến trích tổng tỷ lệ 25% Lợi nhuận sau thuế và thực hiện phân phối sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.483.832.971	1.983.994.079
Chi phí nhân công	35.680.043.168	33.381.990.279
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.449.641.233	1.439.742.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.024.398.792	2.173.686.382
Thuế, phí và lệ phí	621.048.259	455.793.188
Chi phí dự phòng	1.297.792.379	1.102.447.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.395.771.066	35.237.757.800
Chi phí khác bằng tiền	26.945.544.134	24.160.876.340
	<u>110.898.072.002</u>	<u>99.936.288.008</u>

29 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 21/02/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết 02/NQ-HĐQT trong đó đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt theo nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ thường niên năm 2024 cụ thể: tỷ lệ thực hiện 11%/cổ phần (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.100 VND); thời gian chốt danh sách cổ đông là ngày 14/03/2025; ngày thanh toán dự kiến là ngày 12/08/2025.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cổ đông lớn Đơn vị phụ thuộc của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP sách và Thiết bị Giáo Dục Cửu Long	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường phổ thông Công nghệ giáo dục	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Tập đoàn ECI	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách Dân tộc	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

530
TY
HÀN
THIẾ
DỤC
BẮC
T.P H

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	55.462.067.514	45.182.460.531
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	381.382.553	611.924.092
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	135.690.600	741.129.907
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	1.033.319.442	360.527.699
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	3.229.255.910	1.333.360.980
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	2.019.999.730	649.874.796
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	743.129.535	2.316.035.201
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	523.268.560	153.482.240
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	3.633.327.665	1.535.967.139
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	8.822.909	65.210.320
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	42.069.877.387	37.414.948.157
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định	1.673.701.700	-
Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	789.923	-
Công ty CP Sách Dân tộc	9.501.600	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	667.476.871.520	618.677.436.229
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	2.047.500	8.425.926
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	115.398.490	1.320.145.650
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	181.049.882
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	2.116.325.150	98.774.800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	780.515.491	1.196.820.060
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	13.706.622.755	14.063.041.827
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	455.968.335	2.104.149.800
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	160.790.042	283.848.768
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	11.346.076.628	8.241.560.426
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	212.471.170	598.502.660
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	126.283.245	10.476.000
Công ty CP Tập đoàn ECI	3.949.400	10.850.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	636.606.304.025	585.895.296.502
Công ty CP Sách Dân tộc	565.612.189	212.761.920
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	5.962.000	979.973.700
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	694.192.240	1.741.140.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	-	183.004.200
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định	-	43.200.000
Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	557.811.360	687.244.568
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	20.541.500	817.169.540
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.317.423.707	850.585.182
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.317.423.707	850.585.182
Cổ tức, lợi nhuận được chia	166.585.000	154.460.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	8.960.000	8.960.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	157.625.000	145.500.000
Chia cổ tức	2.530.000.000	2.530.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.530.000.000	2.530.000.000

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)


Thu nhập từ Quỹ điều hành và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Hà Sĩ Chuẩn	Chủ tịch HĐQT	265.500.000	446.500.000
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	378.000.000	528.000.000
Ông Phạm Xuân Thương	Thành viên HĐQT	89.000.000	108.000.000
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc ngày 16/01/2023, Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 21/04/2023)	-	278.000.000
Ông Dương Xuân Mộc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	282.000.000	231.000.000
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	-	69.000.000
Bà Ngô Phương Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	282.000.000	234.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	30.500.000	74.000.000
Bà Lê Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	21.000.000	47.000.000
Bà Lê Hồng Phương	Thành viên Ban kiểm soát	21.000.000	47.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán


Phạm Thị Chung
 Người lập biểu


Đoàn Thị Phượng
 Quyền Kế toán trưởng


Dương Đình Thọ
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025